

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015**  
**ĐẾN NGÀY 21 THÁNG 01 NĂM 2016**

---

Tháng 4 năm 2016

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

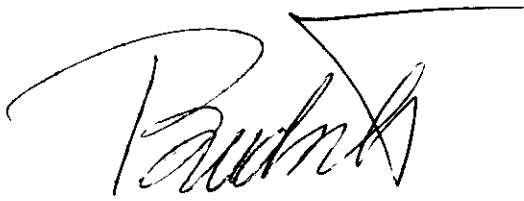
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Bùi Đình Sỹ**  
**Giám đốc**

*Ngày 31 tháng 03 năm 2016*



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 172.03/2016/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 21 tháng 01 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 21 tháng 01 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

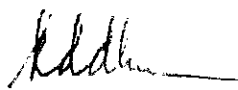
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 21 tháng 01 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 21 tháng 01 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Khúc Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2013-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ  
VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016*



---

**Trần Thiện Thanh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2013-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 21 tháng 01 năm 2016**

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	21/01/2016	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83.437.008.288</b>	<b>75.532.229.978</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16.428.617.720</b>	<b>13.933.338.530</b>
1. Tiền	111		13.428.617.720	8.933.338.530
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	5.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.723.342.882</b>	<b>45.590.296.224</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	39.961.292.386	37.345.581.282
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		516.990.199	1.833.097.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1.887.436.834
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	6.245.060.297	6.838.408.714
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(2.314.228.406)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.119.172.211</b>	<b>9.667.650.067</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	12.119.172.211	9.667.650.067
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.165.875.475</b>	<b>6.340.945.157</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.335.729.948	6.339.043.404
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	792.570.233	1.901.753
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		37.575.294	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.350.537.173</b>	<b>14.867.097.941</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.631.644.917</b>	<b>14.359.175.638</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	7.279.656.281	14.060.539.274
- Nguyên giá	222		20.480.491.267	65.846.682.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.200.834.986)	(51.786.143.053)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	351.988.636	298.636.364
- Nguyên giá	228		450.681.818	353.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(98.693.182)	(54.545.454)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.718.892.256</b>	<b>507.922.303</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	4.718.892.256	484.068.303
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	23.854.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>95.787.545.461</b>	<b>90.399.327.919</b>

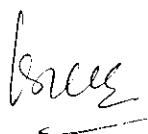
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 21 tháng 01 năm 2016**

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	21/01/2016	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>73.290.318.445</b>	<b>70.211.223.485</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.696.498.861</b>	<b>69.955.053.901</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	19.817.718.013	16.382.933.893
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.744.856.172	5.195.658.337
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	632.491.718	4.897.246.352
4. Phải trả người lao động	314		19.740.056.813	22.641.171.876
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		909.967.894	-
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	7.004.064.689
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	20.952.480.624	4.277.970.368
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	3.841.628.646	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.057.298.981	9.556.008.386
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>593.819.584</b>	<b>256.169.584</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		593.819.584	256.169.584
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.497.227.016</b>	<b>20.188.104.434</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>22.497.227.016</b>	<b>9.870.131.099</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.500.000.000	8.587.322.262
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.500.000.000	8.587.322.262
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.273.026	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.282.808.837
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(48.046.010)	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(3.056.378.603)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(48.046.010)	3.056.378.603
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>10.317.973.335</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	10.317.973.335
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>95.787.545.461</b>	<b>90.399.327.919</b>



Khuất Thị Hà  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hiền  
 Kế toán trưởng



Bùi Đình Sỹ  
 Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2016



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 21 tháng 01 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	114.704.269.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.704.269.556
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	99.869.770.919
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.834.498.637
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	647.872.833
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	260.853.813
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		220.093.307
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.259.719.566
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.961.798.091
11. Thu nhập khác	31		1.912.059.921
12. Chi phí khác	32		1.026.008.345
13. Lợi nhuận khác	40		886.051.576
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.847.849.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	2.801.104.222
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.046.745.445



Khuất Thị Hà  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng



Bùi Đình Sỹ  
Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

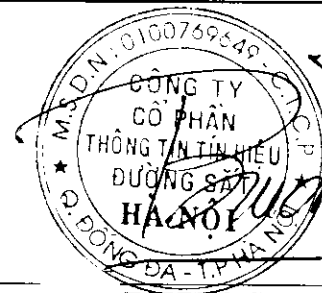
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 21 tháng 01 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	120.055.203.445
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(55.667.686.452)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.557.687.719)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.420.137.200)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.575.630.589
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(54.892.362.191)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9.907.039.528)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.000.684.282)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	43.375.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	647.872.833
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.022.188.551</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.538.501.521
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.841.628.646
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>6.380.130.167</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.495.279.190</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.933.338.530
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.428.617.720

Khuát Thị Hà  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng



Bùi Đình Sỹ  
Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích và trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 881/1998/QĐ/TCCB - LĐ ngày 17 tháng 04 năm 1998. Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty TNHH Một thành viên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100769649 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2011. Vốn điều lệ của Công ty là 9.870.131.099 đồng.

Theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 3907/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội, giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100769649 thay đổi lần 1 ngày 22 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 22.500.000.000 đồng, chia thành 2.250.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 21 tháng 01 năm 2016 là 462 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 528 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt về thông tin, tín hiệu và điện;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Hoạt động khảo sát, tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư;
- Hoạt động tư vấn giám sát xây dựng công trình;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thí nghiệm vật liệu chuyên ngành);
- Thiết kế chuyên dụng và hoạt động khoa học công nghệ khác;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích (viễn thông, tín hiệu điều khiển giao thông, đường dây và trạm biến áp);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; máy móc thiết bị khác;
- Hoạt động đầu tư, cung cấp: Dịch vụ viễn thông có dây, không dây và cơ sở hạ tầng mạng viễn thông;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại chuyên ngành thông tin, viễn thông, tín hiệu và điện;
- Sản xuất linh phụ kiện, thiết bị điện tử, thiết bị truyền thông; thiết bị điện tử dân dụng; thiết bị đo lường, kiểm tra, điều khiển và thiết bị điện;
- Xuất, nhập khẩu, buôn bán: thiết bị, linh kiện điện tử viễn thông, tín hiệu điều khiển, điện và máy móc thiết bị phụ tùng khác;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); và
- Đại lý du lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số chỉ tiêu tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Bảng cân đối kế toán được phân loại và điều chỉnh cho phù hợp với thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 21 tháng 01 năm 2016 là giai đoạn từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến khi đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Từ ngày 22 tháng 01 năm 2016, Công ty chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 số 0100769649 ngày 22 tháng 01 năm 2016.

**III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 21 tháng 01 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 43
Máy móc, thiết bị	08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý sản xuất trên mạng và được khấu hao trong 8 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, giá trị thương hiệu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, cơ quan thuế vẫn chưa thực hiện kiểm tra quyết toán nghĩa vụ thuế của Công ty từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu (ngày 22 tháng 01 năm 2016).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>21/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	256.941.798	103.754.270
Tiền gửi ngân hàng	13.171.675.922	8.829.584.260
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.428.617.720</u></b>	<b><u>13.933.338.530</u></b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>21/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	13.436.597.093	9.885.515.529
- Ban quản lý các dự án RPMU	5.440.675.473	3.359.865.686
- Các khoản phải thu khách hàng khác	21.084.019.820	24.100.200.067
<b>Cộng</b>	<b><u>39.961.292.386</u></b>	<b><u>37.345.581.282</u></b>
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	13.436.597.093	9.885.515.529
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Hà Ninh	2.475.906.218	3.118.532.170
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Hà Thái	1.707.955.151	343.532.455
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Vĩnh Phú	1.347.798.213	2.327.225.959
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Hà Hải	563.010.121	11.702.000
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Quảng Bình	145.737.000	-
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Thanh Hóa	119.714.077	139.101.183
<b>Cộng</b>	<b><u>19.796.717.873</u></b>	<b><u>15.825.609.296</u></b>

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>21/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Ký cược, ký quỹ	2.550.000.000	6.025.000.000
- Tạm ứng	-	490.062.565
- Phải thu khác	3.695.060.297	323.346.149
<b>Cộng</b>	<b><u>6.245.060.297</u></b>	<b><u>6.838.408.714</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. HÀNG TỒN KHO**

	21/01/2016		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.173.541.739	-	3.096.112.268	-
Công cụ, dụng cụ	12.023.972	-	13.235.993	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.933.606.500	-	6.558.301.806	-
<b>Cộng</b>	<b>12.119.172.211</b>	<b>-</b>	<b>9.667.650.067</b>	<b>-</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	21/01/2016	01/01/2015
	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	724.364.293	484.068.303
- Lợi thế kinh doanh	3.994.527.963	-
<b>Cộng</b>	<b>4.718.892.256</b>	<b>484.068.303</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	31.770.540.225	15.226.426.438	18.162.459.064	687.256.600	65.846.682.327
Mua trong kỳ	264.658.182	569.726.100	-	68.800.000	903.184.282
Tăng từ ngân sách nhà nước (*)	12.087.048.000	1.431.868.011	3.656.791.989	-	17.175.708.000
Tăng do đánh giá lại (**)	6.903.460.843	175.697.720	614.201.455	44.680.136	7.738.040.154
Giảm do đánh giá lại (**)	-	-	(225.358.046)	(44.565.455)	(269.923.501)
Giảm do điều chuyển về Tổng Công ty (***)	(41.633.636.218)	(14.531.188.515)	(14.748.375.262)	-	(70.913.199.995)
<b>Tại ngày 21/01/2016</b>	<b>9.392.071.032</b>	<b>2.872.529.754</b>	<b>7.459.719.200</b>	<b>756.171.281</b>	<b>20.480.491.267</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	26.732.038.429	12.445.896.606	12.216.068.325	392.139.693	51.786.143.053
Khấu hao trong kỳ	6.190.371.349	997.069.361	2.036.032.090	101.882.320	9.325.355.120
Tăng do đánh giá lại (**)	3.513.988.262	71.279.261	207.464.569	11.543.636	3.804.275.728
Giảm do đánh giá lại (**)	(13.265.200)	(107.269.322)	(721.623.439)	(85.447.790)	(927.605.751)
Giảm do điều chuyển về Tổng Công ty (***)	(30.815.632.984)	(11.968.758.037)	(8.002.942.143)	-	(50.787.333.164)
<b>Tại ngày 21/01/2016</b>	<b>5.607.499.856</b>	<b>1.438.217.869</b>	<b>5.734.999.402</b>	<b>420.117.859</b>	<b>13.200.834.986</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	5.038.501.796	2.780.529.832	5.946.390.739	295.116.907	14.060.539.274
Tại ngày 21/01/2016	3.784.571.176	1.434.311.885	1.724.719.798	336.053.422	7.279.656.281

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)**

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 30.391.679.325 VND).

- (\*) Ghi nhận tăng từ ngân sách nhà nước theo Thông báo 434/TB-ĐS về việc điều chỉnh giá trị tài sản cố định mới tăng, Dự án lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo Quyết định 1856, giai đoạn 2 (2009-2010) - Tiêu dự án 1 và Quyết định 1421/QĐ-ĐS về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình Sửa chữa lớn hệ thống cấp quang khu đoạn Chợ Tía - Phú Xuyên, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. HCM.
- (\*\*) Ghi nhận tăng, giảm do đánh giá lại theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội tại thời điểm ngày 31/12/2014 (trang 7-10, 26-65 quyển 1/3) và Hồ sơ Điều chỉnh giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội (trang 4, trang 11-12).
- (\*\*\*) Công ty thực hiện điều chuyển tài sản về Tổng Công ty theo biên bản bàn giao ngày 24 tháng 12 năm 2015.

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	353.181.818	353.181.818
Mua trong kỳ	97.500.000	97.500.000
<b>Tại ngày 21/01/2016</b>	<b>450.681.818</b>	<b>450.681.818</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	54.545.454	54.545.454
Khấu hao trong kỳ	44.147.728	44.147.728
<b>Tại ngày 21/01/2016</b>	<b>98.693.182</b>	<b>98.693.182</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	298.636.364	298.636.364
<b>Tại ngày 21/01/2016</b>	<b>351.988.636</b>	<b>351.988.636</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	21/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	4.109.255.469	4.109.255.469	4.579.380.579	4.579.380.579
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng HC Gia Lộc	1.207.482.602	1.207.482.602	1.635.905.063	1.635.905.063
- Phải trả cho các đối tượng khác	14.500.979.942	14.500.979.942	10.167.648.251	10.167.648.251
<b>Cộng</b>	<b>19.817.718.013</b>	<b>19.817.718.013</b>	<b>16.382.933.893</b>	<b>16.382.933.893</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sắt Hà Hải	1.846.203.525	1.846.203.525	-	-
- Công ty Cổ phần Đường Sắt Hà Ninh	213.541.022	213.541.022	-	-
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	4.109.255.469	4.109.255.469	4.579.380.579	4.579.380.579
<b>Cộng</b>	<b>6.169.000.016</b>	<b>6.169.000.016</b>	<b>4.579.380.579</b>	<b>4.579.380.579</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	21/01/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	396.581.953	396.581.953
Thuế thu nhập cá nhân	1.901.753	359.610.653	748.635.980	390.927.080
Các loại thuế khác	-	1.175.572.465	1.180.633.665	5.061.200
<b>Cộng</b>	<b>1.901.753</b>	<b>1.535.183.118</b>	<b>2.325.851.598</b>	<b>792.570.233</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.594.529.956	10.733.303.571	13.327.833.527	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.251.524.696	2.801.104.222	4.420.137.200	632.491.718
Các loại thuế khác	51.191.700	-	51.191.700	-
<b>Cộng</b>	<b>4.897.246.352</b>	<b>13.534.407.793</b>	<b>17.799.162.427</b>	<b>632.491.718</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>21/01/2016</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Kinh phí công đoàn	195.418.029	162.616.907
- Bảo hiểm xã hội	-	969.346.809
- Bảo hiểm y tế	95.986.224	270.045.820
- Bảo hiểm thất nghiệp	57.889	60.455.209
- Phải trả về cổ phần hoá	8.895.670.434	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.765.348.048	2.815.505.623
<b>Cộng</b>	<b>20.952.480.624</b>	<b>4.277.970.368</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	21/01/2016		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.841.628.646</b>	<b>3.841.628.646</b>	<b>3.841.628.646</b>	-	-	-
Vay cán bộ công nhân viên trong công ty, trong đó (*)				-	-	-
- Cơ quan Công ty	631.423.196	631.423.196	631.423.196	-	-	-
- Xí nghiệp TTTT Điện Nam Hà Nội	515.094.330	515.094.330	515.094.330	-	-	-
- Xí nghiệp TTTT Điện Bắc Hà Nội	442.344.770	442.344.770	442.344.770	-	-	-
- Xí nghiệp TTTT Điện Vĩnh Phú	478.921.194	478.921.194	478.921.194	-	-	-
- Xí nghiệp TTTT Điện Yên Lào	634.139.452	634.139.452	634.139.452	-	-	-
- Xí nghiệp TTTT Điện Hà Ninh	639.056.954	639.056.954	639.056.954	-	-	-
- Xí nghiệp TTTT Điện Hà Hải	441.169.708	441.169.708	441.169.708	-	-	-
- Xí nghiệp Xây lắp	59.479.042	59.479.042	59.479.042	-	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>3.841.628.646</b>	<b>3.841.628.646</b>	<b>3.841.628.646</b>	-	-	-

(\*) Các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các hợp đồng vay tiền lần lượt từ số 01/2015/HĐVV đến số 08/2015/HĐVV, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ 31/03/2015 đến 31/03/2016 với lãi suất 7.5%, lãi trả cuối kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>8.587.322.262</b>	-	<b>1.613.129.238</b>	<b>2.566.874.780</b>	<b>12.767.326.280</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	8.227.040.402	8.227.040.402
Lợi nhuận nộp về Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	-	-	-	(770.062.434)	(770.062.434)
Điều chuyển chênh lệch vốn chủ sở hữu về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	(330.320.401)	-	(330.320.401)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(10.023.852.748)	(10.023.852.748)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>8.587.322.262</b>	-	<b>1.282.808.837</b>	-	<b>9.870.131.099</b>
Vốn tăng trong kỳ (*)	11.167.661.657	-	-	-	11.167.661.657
Lợi nhuận trong năm 2015	-	-	-	3.094.791.455	3.094.791.455
Lỗ trong kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 21/01/2016	-	-	-	(48.046.010)	(48.046.010)
Trích lập các quỹ (**)	-	-	-	(3.094.791.455)	(3.094.791.455)
Tiền thu từ bán cổ phần	2.493.228.495	45.273.026	-	-	2.538.501.521
Tặng khác	1.282.808.837	-	-	-	1.282.808.837
Giảm khác (***)	(1.031.021.251)	-	(1.282.808.837)	-	(2.313.830.088)
<b>Số dư tại ngày 21/01/2016</b>	<b>22.500.000.000</b>	<b>45.273.026</b>	-	<b>(48.046.010)</b>	<b>22.497.227.016</b>

(\*) Vốn chủ sở hữu tăng trong kỳ theo hồ sơ xác định doanh nghiệp cổ phần hóa.

(\*\*) Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo công văn số 59/BCD ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa 24 Công ty TNHH MTV của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc xử lý tài chính và quyết toán cổ phần hóa theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

(\*\*\*) Giá trị còn lại của tài sản nhóm 2 chuyển trả Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>114.704.269.556</b>
Trong đó:	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.071.082.683
- Doanh thu hợp đồng xây dựng:	107.633.186.873
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	79.323.782.587
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Thái	1.240.384.269
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	420.640.194
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Hải	593.645.564
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Bình	132.488.182
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	108.830.979
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Yên Lào	190.453.901

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.863.968.506
Giá vốn hoạt động xây lắp	95.005.802.413
<b>Cộng</b>	<b>99.869.770.919</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 21/01/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	647.872.833
<b>Cộng</b>	<b>647.872.833</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015  
đến ngày 21/01/2016

VND

Lãi tiền vay	220.093.307
Chi phí tài chính khác	40.760.506
<b>Cộng</b>	<b>260.853.813</b>

**5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Từ ngày 01/01/2015  
đến ngày 21/01/2016

VND

<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.017.069.445
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	1.784.034.777
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.801.104.222</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<b>21/01/2016</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	3.841.628.646	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	16.428.009.635	13.933.338.530
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	23.528.248.267	9.870.131.099
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,00%</b>	<b>0,00%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>21/01/2016</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.428.009.635	13.933.338.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.206.352.683	41.869.761.590
Các khoản ký quỹ	-	6.025.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.634.362.318</b>	<b>61.828.100.120</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	3.841.628.646	-
Phải trả người bán và phải trả khác	40.504.357.219	20.660.904.261
Chi phí phải trả	909.967.894	-
<b>Cộng</b>	<b>45.255.953.759</b>	<b>20.660.904.261</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua vật tư từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của vật tư.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>21/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.428.009.635	-	-	16.428.009.635
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.206.352.683	-	-	46.206.352.683
<b>Cộng</b>	<b>62.634.362.318</b>	-	-	<b>62.634.362.318</b>
<b>21/01/2016</b>				
Các khoản vay	3.841.628.646	-	-	3.841.628.646
Phải trả người bán và phải trả khác	40.504.357.219	-	-	40.504.357.219
Chi phí phải trả	909.967.894	-	-	909.967.894
<b>Cộng</b>	<b>45.255.953.759</b>	-	-	<b>45.255.953.759</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>17.378.408.559</b>	-	-	<b>17.378.408.559</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.933.338.530	-	-	13.933.338.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.869.761.590	-	-	41.869.761.590
Các khoản ký quỹ	6.025.000.000	-	-	6.025.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.828.100.120</b>	-	-	<b>61.828.100.120</b>
<b>01/01/2015</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	20.660.904.261	-	-	20.660.904.261
<b>Cộng</b>	<b>20.660.904.261</b>	-	-	<b>20.660.904.261</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>41.167.195.859</b>	-	-	<b>41.167.195.859</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Ninh	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Thái	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Hải	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Bình	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Yên Lào	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	Cùng chủ sở hữu
Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt	Cùng chủ sở hữu

*Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

**Từ ngày 01/01/2015**

**đến ngày 21/01/2016**

**VND**

**Bán hàng**

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	<b>82.010.225.676</b>
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Thái	79.323.782.587
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	1.240.384.269
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Hà Hải	420.640.194
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Bình	593.645.564
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Thanh Hóa	132.488.182
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Yên Lào	108.830.979
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	190.453.901

**Mua hàng**

- Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt	<b>3.368.917.899</b>
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sắt Hà Hải	188.093.182
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sắt Hà Ninh	2.148.616.659
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	323.788.158
	708.419.900

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**


**3. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt Phương án Cổ phần hóa số 3907/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải của Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 số 0100769649 ngày 22 tháng 01 năm 2016.


**4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 21 tháng 01 năm 2016 được phân loại lại để đảm bảo so sánh được với số liệu tương ứng của năm tài chính 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, không có số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

TÀI SẢN	Số liệu trình bày tại 31/12/2014 (số kiểm toán)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2015 (số trình bày)	
	Mã số	Số tiền		Số tiền	Mã số
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>75.532.229.978</b>	-	<b>100</b>	<b>75.532.229.978</b>
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	39.075.233.659	6.515.062.565	130	45.590.296.224
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	323.346.149	6.515.062.565	136	6.838.408.714
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	12.856.007.722	(6.515.062.565)	150	6.340.945.157
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.515.062.565	(6.515.062.565)		-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>90.399.327.919</b>	-		<b>90.399.327.919</b>

  
Khuất Thị Hà  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thanh Hiền  
Kế toán trưởng

  
Bùi Đình Sỹ  
Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2016